

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 67/2024/DS-PT
Ngày 19-01-2024
V/v tranh chấp quyền về lỗi đi qua

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2023/TLPT-DS ngày 08/11/2023 về “Tranh chấp quyền về lỗi đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4542/2023/QĐ-PT ngày 25/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Đặng Thị D, sinh năm 1930

1.2. Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Số nhà C, Lê Văn S, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị Loan T, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số nhà A D, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số nhà C, L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi tạm trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Công ty Cổ phần T1

Địa chỉ: Xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số nhà C, L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu Thủy sản Thái Bình

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Diệp Vĩnh S1, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà D, A, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đặng Thị D, bà Nguyễn Thị Diễm H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn bà Đặng Thị D, bà Nguyễn Thị Diễm H và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong quá trình kinh doanh, Công ty T1 nợ Công ty T2 số tiền 28.527.397.583 đồng. Ngày 25/10/2012, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 05/2012/QĐST-KDTM có nội dung tính đến ngày 16/10/2012 Công ty T1 còn nợ Công ty T2 số tiền 28.527.397.583 đồng và ông Nguyễn Thanh H1 đồng ý liên đới với Công ty T1 trả số nợ trên cho Công ty T2. Thời gian và phương thức trả nợ do hai bên thỏa thuận tại cơ quan thi hành án huyện B. Nếu không thỏa thuận được thì Công ty T1 và ông Nguyễn Thanh H1 đồng ý phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp cho Công ty T2 theo các hợp đồng mà hai bên đã ký kết ngày 21/6/2011, ngày 19/9/2011, ngày 29/11/2011 để thanh toán nợ cho Công ty T2.

Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre đã tiến hành kê biên các tài sản mà ông H1 đã thế chấp, bảo lãnh. Thửa đất 160 tờ 02 (thửa cũ 155) tọa lạc tại xã A, huyện C là thửa đất cấp cho hộ gia đình bà D và bà H không bị kê biên, hộ gia đình gồm: Ông Nguyễn Thanh H2 (chết năm 2013), bà Đặng Thị D, ông Nguyễn Thanh H1. Do ông H2 chết nên hàng thừa kế thứ nhất của ông H2 gồm: Bà Đặng Thị D, bà Nguyễn Thị Diễm H, ông Nguyễn Thanh H1.

Từ thửa đất 160 để đi ra đường công cộng thì phải đi qua thửa đất số 161 (thửa cũ 565) và thửa 166 (thửa cũ 556). Hiện nay hai thửa đất 161 và 166 cùng tờ bản đồ số 02 đang bị Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre kê biên. Nhưng ông H1 vẫn đang là người quản lý sử dụng.

Do đó, bà D và bà H yêu cầu ông H1 mở lối đi có tổng diện tích 302.3m² bao gồm 120.8m² ký hiệu 166-2, 129.8m² ký hiệu 161-2, 51.3m² ký hiệu 161-3, 0.4m²

ký hiệu 161-4 thuộc một phần thửa 161, 166 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Bà Đặng Thị D và bà Nguyễn Thị Diễm H không đồng ý bồi hoàn giá trị đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 trình bày:

Ông xác định từ trước đến nay lối đi đang tranh chấp do ông và bà D, bà Diễm H sử dụng đi ra lộ công cộng và đây là lối đi duy nhất. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý mở lối đi này vì hiện nay hai thửa đất trên đang bị Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre kê biên để thi hành án đối với Quyết định công nhận thỏa thuận số 05 ngày 25/10/2012 của Tòa án huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông yêu cầu Tòa án cho ông thời gian để ông thỏa thuận với bà H và bà Diễm H để nhận chuyển nhượng lại một phần đất thuộc quyền sử dụng của bà D và Diễm H trong phần đất hộ thuộc thửa 160, tờ bản đồ số 02. Đồng thời ông có thời gian giải quyết xong nợ với Công ty T2 mà không phải bán đấu giá hai thửa đất trên. Theo ông nếu mở lối đi thì đất của ông không còn giá trị.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 trình bày:

Công ty T2 là người được thi hành án đối với các thửa đất do ông H1 đứng tên. Trong nhiều năm qua vẫn chưa được thi hành án vì ông H1 liên tục khiếu nại, tranh chấp. Do công nợ từ ông H1 kéo dài nên công ty gặp nhiều khó khăn về tài chính, không đủ nhân sự tham gia giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật. Công ty T2 xin vắng mặt cho đến khi vụ kiện được giải quyết xong bằng một bản án quyết định có hiệu lực pháp luật.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã áp dụng Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 157, 158, 165 và 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị D, bà Nguyễn Thị Diễm H về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh H1 mở lối đi có tổng diện tích 302.3m² bao gồm 120.8m² ký hiệu 166-2, 129.8m² ký hiệu 161-2, 51.3m² ký hiệu 161-3, 0.4m² ký hiệu 161-4 thuộc một phần thửa 161 và thửa 166 cùng tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/8/2023, các nguyên đơn bà Đặng Thị D, bà Nguyễn Thị Diễm H

kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc mở lối đi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo. Bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 311 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2023/DSST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Đặng Thị D, bà Nguyễn Thị Hồng D1; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn trình bày thừa đất 160, tờ bản đồ số 02 thuộc quyền sử dụng của hộ ông Nguyễn Thanh H1, hộ gồm ông Đặng Thanh H3, bà Đặng Thị D, ông Nguyễn Thanh H1. Ông H3 chết, người thừa kế của ông H3 là bà Đặng Thị Diễm H4, bà Đặng Thị D, ông Nguyễn Thanh H1. Do đó, bà Đặng Thị Diễm H4, bà Đặng Thị D khởi kiện yêu cầu ông H1 mở lối đi do thừa đất 160 tờ bản đồ số 02 bị vây bọc bởi thửa đất số 160 và thửa 161 cùng tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 555, tờ bản đồ số 01 (thửa cũ của thửa 160) thì thửa đất này do ông Nguyễn Thanh H1 nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hoàng M năm 2003. Trong khi các sổ hộ khẩu do nguyên đơn cung cấp đều có sau năm 2003, đồng thời ông Nguyễn Thanh H1 cũng không phải là chủ hộ mà ông Đặng Thanh H3, bà Đặng Thị D là thành viên trong hộ. Như vậy, bà D, bà H4 chưa phải là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất 160, tờ bản đồ số 02 nên chưa đủ điều kiện khởi kiện yêu cầu quyền về lối đi qua bất động sản liền kề theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Đồng thời, theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì *“Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu*

khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp pháp trên phần đất của họ”. Như vậy, chủ sử dụng đất yêu cầu mở lối đi và chủ sử dụng bất động sản liền kề là hai chủ thể khác nhau, trong khi đó ông Nguyễn Thanh H1 hiện là người đứng tên các phần đất thuộc các thửa 161 và thửa 166 cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong trường hợp này, nếu có căn cứ cho rằng đất thuộc thửa 160, tờ bản đồ số 02 là cấp cho hộ, trong đó ông H1 là một thành viên thì thửa đất 160 không được xem là bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác (do ông H1 là chủ sở hữu các thửa 161 và 166) nên cũng chưa đủ điều kiện để yêu cầu mở lối đi.

Từ những nhận định trên, xét thấy các nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện và bất động sản cũng không bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề của các chủ sở hữu khác nhưng cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là không đúng. Do đó, cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do Bản án sơ thẩm bị hủy nên bà Đặng Thị D, bà Nguyễn Thị Diễm H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 308; Điều 311; điểm g khoản 1 Điều 217; điểm a, b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử vụ án “Tranh chấp quyền về lối đi qua” giữa nguyên đơn bà Đặng Thị D, bà Nguyễn Thị Diễm H với bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 và đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm: Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Diễm H theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007966 ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2.2. Án phí phúc thẩm: Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Diễm H theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004033 ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng